Số: 2730/QĐ-UBND(CT); 11/11/2026; 16:10:44;

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI

**DANH SÁCH NGƯỜI NỘP THUẾ HỦY XÓA NỢ TIỀN PHẠT CHẬM NỘP, TIỀN CHẬM NỘP THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 94/2019/QH14**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 11 năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)*

*Đơn vị tính: Đồng*

| STT | Tên người nộp thuế | Mã số thuế | Địa chỉ kinh doanh | Họ và tên | Số giấy tờ cá nhân | Ngày, tháng, năm cấp giấy tờ cá nhân | Cơ quan cấp giấy tờ cá nhân | Số tờ khai hải quan | Ngày đăng ký tờ khai hải quan | Tổng số tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp được xóa nợ | Trong đó (Tiểu mục): | | | | | | | | Quyết định xóa nợ | Lý do đề nghị hủy xóa |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | | | | 4927 | 4272 | 4917 | 4918 | 4931 | 4934 | 4943 | 4944 | | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11=12+13+14+15 +16+17* | *12* | *13* | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 |
| **I** | **Cá nhân, cá nhân kinh doanh, hộ gia đình, hộ kinh doanh** | | | | | | | | | **16,057,778** | **-** | **1,587,500** | **4,504,479** | **107,778** | **6,080,288** | **418,000** | **73,007** | **2,255,074** | | |
| 1 | Phạm Thị Phương | 8037159665 | TDP Châu ổ, xã Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi | Phạm Thị Phương | 051190012016 | 8/14/2021 | CT Cục cảnh sát QLHC về trật tự xã hội | | | **1,610,481** | | | 386,211 | | 771,930 | | | 452,340 | Quyết định số 1041/QĐ-UBND ngày 05/8/2022 (dòng 78) | Người nộp thuế được khoanh nợ, xóa nợ đã nộp đủ số tiền thuế nợ (bao gồm cả số tiền thuế nợ đã được khoanh, xóa) vào ngân sách nhà nước |
| 2 | Phan Tấn Trinh | 4300489572 | Thôn Long bình,xã Bình Sơn, Quảng Ngãi | Phan Tấn Trinh | 051054012989 | 12/27/2021 | CT Cục cảnh sát QLHC về trật tự xã hội | | | **153,990** | | | | | | | | 153,990 | Quyết định số 1041/QĐ-UBND ngày 05/8/2022 (dòng 134) | Người nộp thuế được khoanh nợ, xóa nợ đã nộp đủ số tiền thuế nợ (bao gồm cả số tiền thuế nợ đã được khoanh, xóa) vào ngân sách nhà nước |
| 3 | Phạm Thị Thanh Phước | 4300787314 | thôn Bình An Nội, xã Bình Sơn,tỉnh Quảng Ngãi | Phạm Thị Thanh Phước | 062191005986 | 7/20/2022 | CT Cục cảnh sát QLHC về trật tự xã hội | | | **6,300** | | | 1,740 | | 4,260 | | | 300 | Quyết định số 1093/QĐ-UBND ngày 16/08/2022 (STT 27) | Người nộp thuế được khoanh nợ, xóa nợ đã nộp đủ số tiền thuế nợ (bao gồm cả số tiền thuế nợ đã được khoanh, xóa) vào ngân sách nhà nước |
| 4 | Phạm Thị Thu | 4300386545 | TDP Thanh Đức 2, phường Sa Huỳnh, tỉnh Quảng Ngãi | Phạm Thị Thu | 052155006650 | 5/9/2021 | CT Cục cảnh sát QLHC về trật tự xã hội | | | **47,500** | | | | | | | 9,590 | 37,910 | Quyết định số 265/QĐ-UBND ngày 23/02/2021 (Số thứ tự: 72) | Người nộp thuế được khoanh nợ, xóa nợ đã nộp đủ số tiền thuế nợ (bao gồm cả số tiền thuế nợ đã được khoanh, xóa) vào ngân sách nhà nước |
| 5 | Nguyễn Trung Kiên | 6101055567 | Thôn 14A, xã Đăk Pék, tỉnh Quảng Ngãi | Nguyễn Trung Kiên | 020081000545 | 2/16/2022 | Cục Cảnh sát QLHC về TTXH | | | **2,563,088** | | | 797,337 | | 1,559,552 | | | 206,199 | QĐ số 316/QĐ-UBND ngày 27/4/2022 (Phần B, I STT 6) | Người nộp thuế được khoanh nợ, xóa nợ đã nộp đủ số tiền thuế nợ (bao gồm cả số tiền thuế nợ đã được khoanh, xóa) vào ngân sách nhà nước |
| 6 | Nguyễn Phước | 4300575278 | Số 418 Quang Trung, phường Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi | Nguyễn Phước | 051085007271 | 2/7/2024 | CT Cục cảnh sát QLHC về trật tự xã hội | | | **1,105,705** | | | 177,814 | | 323,091 | | 14,500 | 590,300 | QĐ số 591/QĐ-UBND ngày 05/5/2022 (STT 145) | Người nộp thuế được khoanh nợ, xóa nợ đã nộp đủ số tiền thuế nợ (bao gồm cả số tiền thuế nợ đã được khoanh, xóa) vào ngân sách nhà nước |
| 7 | Tân Ngọc Tâm | 4300342837 | Tổ 13, phường Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi | Tân Ngọc Tâm | 051061001684 | 4/28/2021 | CT Cục cảnh sát QLHC về trật tự xã hội | | | **966,804** | | | | 107,778 | 391,564 | | 24,737 | 442,725 | QĐ số 591/QĐ-UBND ngày 05/5/2022 (STT 45) | Người nộp thuế được khoanh nợ, xóa nợ đã nộp đủ số tiền thuế nợ (bao gồm cả số tiền thuế nợ đã được khoanh, xóa) vào ngân sách nhà nước |
| 8 | Vy Thị Xuân Thảo | 8037133201 | Tổ 11, phường Cẩm Thanh, tỉnh Quảng Ngãi | Vy Thị Xuân Thảo | 051185009921 | 2/17/2025 | Bộ Công An | | | **199,335** | | | | | | | 12,945 | 186,390 | Quyết định số 552/QĐ-UBND ngày 22/4/2022 (dòng 220) | Người nộp thuế được khoanh nợ, xóa nợ đã nộp đủ số tiền thuế nợ (bao gồm cả số tiền thuế nợ đã được khoanh, xóa) vào ngân sách nhà nước |
| 9 | Lâm Thị Thương | 4300201480 | Thôn Tịnh Đông, xã Trường Giang, tỉnh Quảng Ngãi | Lâm Thị Thương | 051160004360 | 6/28/2021 | CT Cục cảnh sát QLHC về trật tự xã hội | | | **148,013** | | | 33,768 | | 67,715 | | | 46,530 | Quyết định số 1652/QĐ-UBND ngày 21/10/2021 (dòng ) | Người nộp thuế được khoanh nợ, xóa nợ đã nộp đủ số tiền thuế nợ (bao gồm cả số tiền thuế nợ đã được khoanh, xóa) vào ngân sách nhà nước |

| STT | Tên người nộp thuế | Mã số thuế | Địa chỉ kinh doanh | Họ và tên | Số giấy tờ cá nhân | Ngày, tháng, năm cấp giấy tờ cá nhân | Cơ quan cấp giấy tờ cá nhân | Số tờ khai hải quan | Ngày đăng ký tờ khai hải quan | Tổng số tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp được xóa nợ | Trong đó (Tiểu mục): | | | | | | | | Quyết định xóa nợ | Lý do đề nghị hủy xóa |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | | | | 4927 | 4272 | 4917 | 4918 | 4931 | 4934 | 4943 | 4944 | | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11=12+13+14+15+16+17* | *12* | *13* | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 |
| 10 | Nguyễn Ngọc Tất | 6101194264 | Thôn Tân Lập B, xã Đăk Mar, tỉnh Quảng Ngãi | Nguyễn Ngọc Tất | 062090001154 | 4/25/2021 | CT Cục cảnh sát QLHC về trật tự xã hội | | | **1,031,652** | | | | | | | | | Quyết định số 291/QĐ-UBND (Phần II, mục 4, STT 38 ) | Người nộp thuế được khoanh nợ, xóa nợ đã nộp đủ số tiền thuế nợ (bao gồm cả số tiền thuế nợ đã được khoanh, xóa) vào ngân sách nhà nước |
| 11 | Trương Đức | 4300598275 | Xóm 1, Thôn Phước Hòa, xã Đông Sơn, tỉnh Quảng Ngãi | Trương Đức | 051062004635 | 1/14/2022 | CT Cục cảnh sát QLHC về trật tự xã hội | | | **499,329** | | | 172,986 | | 326,343 | | | | Quyết định số 1041/QĐ-UBND ngày 05/8/2022 (dòng 368) | Người nộp thuế được khoanh nợ, xóa nợ đã nộp đủ số tiền thuế nợ (bao gồm cả số tiền thuế nợ đã được khoanh, xóa) vào ngân sách nhà nước |
| 12 | Nguyễn Hảo | 4300521064 | 141/2/5 Lê Trung Đình, tổ 4, Phường Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi | Nguyễn Hảo | 051071009772 | 12/8/2021 | CT Cục cảnh sát QLHC về trật tự xã hội | | | **18,520** | | | 7,283 | | 2 | | 11,235 | | Quyết định số 230/QĐ-UBND ngày 28/02/2022 (dòng 133) | Người nộp thuế được khoanh nợ, xóa nợ đã nộp đủ số tiền thuế nợ (bao gồm cả số tiền thuế nợ đã được khoanh, xóa) vào ngân sách nhà nước |
| 13 | Trần Thị Hồng Hải | 4300741729 | TDP Châu ổ, xã Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi | Trần Thị Hồng Hải | 05119004566 | 3/13/2023 | CT Cục cảnh sát QLHC về trật tự xã hội | | | **3,259,516** | | 1,587,500 | 418,000 | | 836,016 | 418,000 | | | Quyết định số 1041/QĐ-UBND ngày 05/8/2022 (dòng 55) | Người nộp thuế được khoanh nợ, xóa nợ đã nộp đủ số tiền thuế nợ (bao gồm cả số tiền thuế nợ đã được khoanh, xóa) vào ngân sách nhà nước |
| 14 | Huỳnh Thị Xuân Hương (Huỳnh Thị Hương) | 4300125984 | TDP Châu ổ, xã Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi | Huỳnh Thị Xuân Hương (Huỳnh Thị Hương) | 051171006502 | 9/23/2022 | CT Cục cảnh sát QLHC về trật tự xã hội | | | **427,271** | | | 141,624 | | 283,247 | | | 2,400 | Quyết định số 1041/QĐ-UBND ngày 05/8/2022 (dòng 4) | Người nộp thuế được khoanh nợ, xóa nợ đã nộp đủ số tiền thuế nợ (bao gồm cả số tiền thuế nợ đã được khoanh, xóa) vào ngân sách nhà nước |
| 15 | Nguyễn Ngọc Hạnh | 6100223681 | Thôn 14A, xã Đăk Pék, tỉnh Quảng Ngãi | Nguyễn Ngọc Hạnh | 056177009606 | 1/26/2022 | CT Cục cảnh sát QLHC về trật tự xã hội | | | **3,884,284** | | | 2,367,716 | | 1,516,568 | | | | Quyết định số 395/QĐ-UBND ngày 26/7/2021 (STT 03) | Người nộp thuế được khoanh nợ, xóa nợ đã nộp đủ số tiền thuế nợ (bao gồm cả số tiền thuế nợ đã được khoanh, xóa) vào ngân sách nhà nước |
| 16 | Vũ Thị Nhung | 4300778126 | Thôn Xuân Trung, xã Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi | Vũ Thị Nhung | 040187006230 | 4/13/2021 | CT Cục cảnh sát QLHC về trật tự xã hội | | | **135,990** | | | | | | | | 135,990 | Quyết định số 520/QĐ-UBND ngày 08/4/2021 (STT 26) | Quay lại sản xuất, kinh doanh |